

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500850392
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 42.098.355.111 đồng
- Địa chỉ: Số 24/8 đường Lê Thánh Tông phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Số điện thoại: 0254.3832036
- Số fax: 0254.3832084
- Website: www.dmcs.com.vn
- Mã cổ phiếu: DMS
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam (viết tắt DMC Miền Nam) trực thuộc Tổng công ty Hóa chất và dịch vụ Dầu khí – CTCP được thành lập ngày 08/3/1990 trên cơ sở Xí nghiệp Sản xuất Hoá phẩm dầu khí trực thuộc Tổng Cục Dầu khí tại Vũng Tàu.

Ngày 10/5/2011 Công ty DMC Miền Nam chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500850392 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng.

Qua hơn 30 năm hình thành và phát triển, Công ty DMC Miền Nam đã không ngừng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện nay DMC-Miền Nam đã và đang phát triển các lĩnh vực: kinh doanh và dịch vụ phục vụ công tác khoan thăm dò và khai thác dầu khí và các ngành công nghiệp khác.

Ngày 05/08/2022, Công ty DMC Miền Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận là Công ty đại chúng theo Công văn số 5126/UBCK-GSDC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 06/10/2022, Công ty DMC Miền Nam được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 37/2022/GCNCP-VSD, số lượng chứng khoán đăng ký lưu ký là 4.000.000 cổ phiếu.

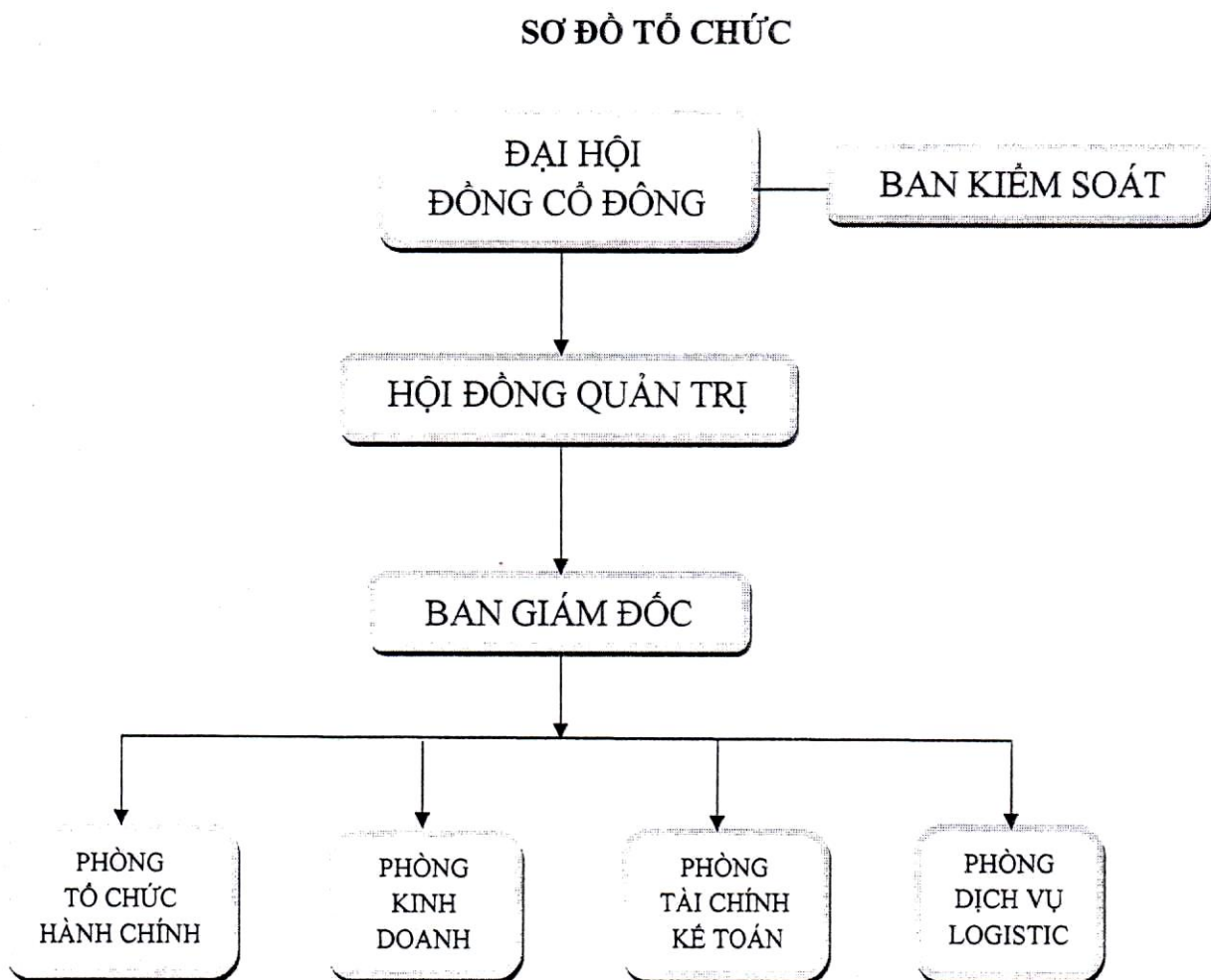
Ngày 8/6/2023, Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Nam được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 596/QĐ-SGDHN.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Công ty DMC Miền Nam tự hào là đơn vị hàng đầu Việt Nam chuyên cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước các hóa chất và dịch vụ kỹ thuật: dung dịch khoan, xử lý giếng khoan, làm sạch bằng hóa chất, xử lý môi trường, cung cấp các loại hóa chất phục vụ tìm kiếm, thăm dò, vận chuyển, chế biến và phân phối Dầu khí; cung cấp các sản phẩm hóa dầu; hóa phẩm phục vụ ngành công nghiệp dầu khí tại khu vực phía Nam.
- Chúng loại sản phẩm, dịch vụ truyền thống của Công ty DMC-Miền Nam: Xi măng G-API, Bentonite API, Bentonite NĐ, Bentonite KCN, Bentag..., Silica Flour, DMC Biosafe, DMC Super Lub và các sản phẩm khác như: Xi măng OWC các loại, Xi măng G trộn cát, Xi măng bèn sunfate type II, Xi măng bèn sunfate ASTM 1157, Barite, CaCl<sub>2</sub>, NaCl, KCl, Soda Ash, Chất chống ăn mòn, Phân bón các loại, cung cấp sơn công nghiệp, cung cấp dầu nhớt, thiết bị.. v.v.
- Các dịch vụ mà Công ty DMC Miền có kinh nghiệm như: Cung cấp dịch vụ Logistic; vận chuyển, cho thuê kho/bãi, sang bao, đóng gói....

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị



- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Hội đồng Quản trị: 05 thành viên
  - Ban Giám đốc: 01 Giám đốc (UV HĐQT kiêm GD) và 02 Phó Giám đốc
  - Ban Kiểm soát: 03 thành viên
  - Các Phòng: 04
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có
- 4. Định hướng phát triển:**
- Định hướng phát triển:
- Trở thành nhà cung cấp hàng đầu các loại hóa chất cho khoan và khai thác dầu khí tại khu vực phía Nam.
  - Cung cấp dịch vụ và sản phẩm chuyên nghiệp, đáp ứng ngày càng cao tiêu chuẩn của khách hàng.
  - Phát triển và mở rộng hoạt động dịch vụ Logistics tại khu vực các tỉnh phía Nam theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả.
  - Phấn đấu tham gia các chuỗi liên kết cung ứng hàng hóa cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp, dịch vụ khác trong khu vực
- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
- Xây dựng và phát triển công ty trên 2 lĩnh vực: Kinh doanh và dịch vụ Logistic. Đây là 2 lĩnh vực cốt lõi của Công ty cần tập trung phát triển, trong đó cần phát huy hiệu quả dịch vụ Logistic đảm bảo hoạt động ngày càng chuyên nghiệp hơn.
  - Tập trung đẩy mạnh, nâng cao năng lực kinh doanh nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường cung cấp hóa chất phục vụ công tác khoan, thăm dò và khai thác Dầu khí và thị trường ngoài ngành Dầu khí.
  - Xây dựng các giải pháp Marketing nhằm tăng thị phần cung cấp hàng hóa đối với các khách hàng truyền thống. Đồng thời tìm kiếm, phát triển và mở rộng thêm thị trường mới để tiêu thụ các sản phẩm Công ty có khả năng cung cấp.
  - Nâng cao thu nhập, đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn
- Đối với lĩnh vực kinh doanh:
    - Thị trường trong ngành Dầu khí: Công ty DMC Miền Nam chủ yếu cung cấp các sản phẩm cho lĩnh vực khoan và khai thác Dầu khí. Giai đoạn 2021-2025, kế hoạch khoan của các nhà thầu gần như không tăng trưởng nên sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh dịch vụ của Công ty trong các năm tới. Vì vậy, ngoài việc giữ vững thị trường truyền thống, Công ty DMC Miền Nam sẽ tiếp tục phối hợp với các nhà thầu quốc tế để chào hàng và xuất khẩu các sản phẩm thế mạnh của Công ty ra khu vực Đông Nam Á.
    - Thị trường ngoài ngành Dầu khí: Tiếp tục ưu tiên tìm kiếm và phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới và thị trường mới cho trong và ngoài ngành Dầu khí, phấn đấu chiếm tỷ trọng doanh thu trên 50%.
  - Đối với lĩnh vực dịch vụ:
    - Phát triển và mở rộng hoạt động dịch vụ Logistics tại khu vực các tỉnh phía Nam theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả cho các đơn vị trực thuộc Tổng công ty và trong ngành Dầu khí đóng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các tỉnh phía Nam.
    - Phấn đấu tham gia các chuỗi liên kết cung ứng hàng hóa cho ngành Dầu khí và các ngành công nghiệp, dịch vụ khác trong khu vực.



- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và công đồng): Luôn tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh doanh và dịch vụ của Công ty.

**5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh,...)**

Hoạt động Dầu khí tiềm ẩn rất nhiều yếu tố rủi ro như: Thiên tai, dịch bệnh, tỷ giá, thị trường và biến động giá xăng dầu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty Dầu khí về doanh thu, lợi nhuận... Trong đó rủi ro về biến động giá dầu và rủi ro tài chính là 2 yếu tố ảnh hưởng lớn đến các hoạt động các công ty Dầu khí nói chung và Công ty DMC Miền Nam nói riêng, cụ thể:

- Rủi ro giá dầu là rủi ro có ảnh hưởng lớn nhất được biết đến từ cuối năm 2014, khi giá dầu giảm mạnh từ 111 USD/thùng (tháng 6/2014), xuống khoảng trên dưới 50 USD/thùng (cuối năm 2014) và có thời điểm xuống dưới 30 USD/thùng (đầu năm 2016). Giá dầu chỉ phục hồi trở lại vào giai đoạn cuối năm 2018, 60 – 70 USD/thùng năm 2019, năm 2022 và cuối năm 2023 là 80-90 USD/thùng. Biến động của giá dầu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty Dầu khí về doanh thu, lợi nhuận và việc đầu tư các dự án mới v.v....
- Rủi ro tài chính:
  - Rủi ro tỷ giá: Do sự trao đổi thương mại bằng các đồng tiền khác nhau hoặc vay nợ bằng ngoại tệ nên tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp Dầu khí.
  - Rủi ro lãi suất: Do các dự án Dầu khí đòi hỏi nguồn vốn lớn nên rủi ro về huy động vốn đối với Doanh nghiệp cũng rất lớn. Các dự án Dầu khí có quy mô lớn thường do ngân hàng quốc tế uy tín hoặc các ngân hàng thương mại trong nước hợp vốn cho vay. Do vậy, khi lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí đầu tư dự án.
  - Rủi ro về chi phí thăm dò, khai thác biến động theo giá dầu, lãi vay...

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023:

Năm 2023, tiếp tục là một năm Công ty DMC - Miền Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty đã chủ động nắm bắt tình hình, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua tại Nghị quyết 123/NQ/ĐHĐCĐ/DMCS ngày 21/4/2023 để triển khai quyết liệt và linh hoạt trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Và với sự nỗ lực, đoàn kết tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV lao động trong Công ty DMC Miền Nam đã cố gắng duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Mặc dù, lợi nhuận của công ty chưa cao nhưng luôn có lãi để đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và quyền lợi cho các cổ đông của Công ty.

- Kết quả chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đạt được trong năm 2023:



- Sản lượng tiêu thụ là 44.992,3 tấn/50.700 tấn, đạt 88,7% kế hoạch năm và giảm 6,5% so với thực hiện cùng kỳ năm 2022;
- Doanh thu 382,2 tỷ đồng/315 tỷ đồng, đạt 121,3% kế hoạch năm và tăng 7,5% so với thực hiện cùng kỳ năm 2022;
- Lợi nhuận trước thuế 2,01 tỷ đồng/4,0 tỷ đồng lợi nhuận giảm so với kế hoạch và so với thực hiện cùng kỳ năm 2022;
- Nộp ngân sách Nhà nước 3,34 tỷ đồng/3,0 tỷ đồng, đạt 111,3% kế hoạch và tăng 60,6% so với thực hiện cùng kỳ năm 2022;
- Thu nhập bình quân 13,5 tr.đ/người/tháng, đạt 108% kế hoạch và giảm 8,6% so với thực hiện cùng kỳ năm 2022;
- Năng suất lao động bình quân 806,4 tr.đ/người/tháng, đạt 147,5% kế hoạch và tăng 11,6% so với thực hiện cùng kỳ năm 2022.

## 2. *Tổ chức và nhân sự*

- Danh sách Ban điều hành:

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### ❖ *Chủ tịch HĐQT: Ông Nguyễn Quốc Túy*

- Ngày sinh: 10 tháng 09 năm 1972
- Quê quán: Xã Hải Trung, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 12, dãy A12, khu đô thị Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Ngày được bổ nhiệm: 28/4/2023
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0 %;
- Số lượng cổ phần đại diện: 1.508.300 CP, tỷ lệ: 37,71%

#### ❖ *Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc: Bà Đỗ Thị Huyền*

- Ngày sinh: 13/01/1968
- Quê quán: Phú Yên, Thọ Xuân, Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 09 Đ7 TT Chí Linh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT
- Ngày được bổ nhiệm: 22/4/2021
- Số lượng cổ phần sở hữu: 19.500 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0,488%
- Số lượng cổ phần đại diện: 1.240.000 CP. Tỷ lệ đại diện: 31%

#### ❖ *Ủy viên HĐQT: Ông Đinh Viết An*

- Ngày sinh: 10/01/1972
- Quê quán: Diễn Quảng, Diễn Châu, Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: Số 99/3 Chu Mạnh Trinh, Phường 8, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT
- Ngày được bổ nhiệm: 22/4/2021



- Số lượng cổ phần sở hữu: 4.900 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0,123%

❖ **Ủy viên HĐQT: Ông Đặng Trung Hiếu**

- Ngày sinh: 06/02/1980
- Quê quán: Xuân Thành, Xuân Trường, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số 12 ngách 22, ngõ 4, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT
- Ngày được bổ nhiệm: 21/4/2022
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0%
- Số lượng cổ phần đại diện: 800.000 cp, tỷ lệ: 20%

❖ **Ủy viên HĐQT: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền**

- Ngày sinh: 17/6/1964
- Quê quán: Xã Hải Trung, Hải Hậu, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 18A4 Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty
- Ngày được bổ nhiệm: 21/4/2023
- Số cổ phần sở hữu: 0 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0%

**BAN GIÁM ĐỐC**

❖ **Giám đốc (Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc): Bà Đỗ Thị Huyền**

- Ngày sinh: 13/01/1968
- Quê quán: Phú Yên, Thọ Xuân, Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 09 Đ7 TT Chí Linh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty
- Ngày được bổ nhiệm: 06/7/2023
- Số lượng cổ phần sở hữu: 19.500 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0,488%
- Số lượng cổ phần đại diện: 1.240.000 CP, tỷ lệ: 31%

❖ **Phó Giám đốc: Ông Bùi Đình Bá**

- Ngày sinh: 10/6/1964
- Quê quán: Đức Phong, Mộ Đức, Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: Số 286/15A Lê Hồng Phong, Phường 4, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa
- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty DMC Miền Nam
- Ngày được bổ nhiệm: 06/7/2023
- Số lượng cổ phần sở hữu: 4.000 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0,10%

❖ **Phó Giám đốc: Ông Ngô Văn Phong**

- Ngày sinh: 02/6/1980
- Quê quán: Hoàng Nam, Nghĩa Hưng, Nam Định



- Địa chỉ thường trú: 360/9/18 đường Bình Giã, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty DMC Miền Nam
- Ngày được bổ nhiệm: 06/6/2023
- Số lượng cổ phần sở hữu: 38.200 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0,95 %

❖ **Kế toán trưởng: Bà Bùi Thị Hương**

- Ngày sinh: 03/6/1978
- Quê quán: Xích Thổ, Nho Quan, Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: 17/2/16 Võ Văn Tần, Phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng, Công ty DMC Miền Nam
- Ngày được bổ nhiệm: 01/01/2023
- Số lượng cổ phần sở hữu: 1.700 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0,04%

**BAN KIỂM SOÁT**

❖ **Trưởng Ban kiểm soát: Ông Dương Thế Nhân**

- Ngày sinh: 10/8/1966
- Quê quán: Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 184 Bình Giã, Phường 8, Tp Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát, Trưởng phòng Dịch vụ Logistics Công ty DMC Miền Nam
- Ngày được bổ nhiệm: 21/4/2022
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0%

❖ **Thành viên BKS: Bà Nguyễn Thị Thu Thuận**

- Ngày sinh: 18/8/1974
- Quê quán: Thị trấn Sơn Tịnh, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 846LKE14 Bình Giã, P.Rạch Dừa, TP.Vũng Tàu, tỉnh BRVT
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa
- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty
- Ngày được bổ nhiệm: 22/4/2021
- Số lượng cổ phần sở hữu: 1.500 CP. Tỷ lệ sở hữu CP: 0,037%

❖ **Thành viên BKS: Ông Nguyễn Y Linh**

- Ngày sinh: 28/12/1972
- Quê quán: Phúc Yên, Mê Linh, Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú: 201A6 Tập thể Đá hoa An Dương, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay: Thành viên BKS Công ty
- Ngày được bổ nhiệm: 02/02/2017
- Số lượng cổ phần sở hữu 0 cp. Tỷ lệ sở hữu CP: 0 %



- Những thay đổi trong Ban điều hành: Trong năm 2023 có sự thay đổi:
  - Ngày 21/4/2023 Đại hội đồng cổ đông thông qua bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Túy, giữ chức Ủy viên HĐQT. Ngày 28/4/2023 Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Túy giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  - Ngày 21/4/2023 Đại hội đồng cổ đông thông qua bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyên, giữ chức Ủy viên HĐQT.
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động (Số lượng lao động tính đến 31/12/2023).

TT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Trên ĐH	2	5,13
2	ĐH	13	33,33
3	Cao đẳng	2	5,13
4	Trung cấp	3	7,69
5	CNKT	14	35,89
6	Phổ thông	5	12,82
	<b>Tổng</b>	<b>39</b>	<b>100%</b>

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với Người lao động:
  - Thời gian làm việc: Công ty thực hiện làm việc 40h/tuần. Một số bộ phận có thể làm việc nhiều hơn 40 giờ nhưng không vượt quá 48 giờ trong 01 tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Nhân viên được nghỉ phép nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.
  - Điều kiện làm việc: Văn phòng, địa điểm làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát.
  - Chính sách đào tạo: Công tác đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực. Có chương trình đào tạo nghề cho những công nhân mới chưa có kinh nghiệm; tổ chức tập huấn định kỳ trong công tác phòng chống cháy nổ; bồi dưỡng CBCNV tham gia học các lớp về an toàn lao động; sơ cấp cứu hàng năm nhằm phục vụ nhu cầu cần thiết trong lĩnh vực sản xuất.
  - Chính sách lương, thưởng, trợ cấp, BHXH: Công ty đang áp dụng việc chi trả tiền lương và chế độ chính sách của người lao động được áp dụng theo Quy chế Tiền lương, Tiền thưởng và phụ cấp lương của Công ty và các Quyết định về tiền lương, tiền thưởng của Công ty, đảm bảo tiền lương của người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng. Ngoài ra thực hiện chế độ thưởng tháng lương 13 và các ngày lễ theo quy định, phù hợp tình hình tài chính tại đơn vị. Thực hiện đầy đủ các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật; 100% người lao động trong Công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN. Thực hiện việc quản lý hồ sơ, cấp sổ, cấp thẻ và chi trả các chế độ BHXH đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.



- Chính sách quản lý được Công ty cải tiến thông qua việc rà soát, sửa đổi Hệ thống văn bản quản lý nội bộ phù hợp với quy định mới của pháp luật và yêu cầu thực tế hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty.

3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.**

- Các khoản đầu tư lớn: Không có
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. **Tình hình tài chính**

- Tình hình tài chính

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	112.380.199.481	81.997.434.814	(27,04%)
2	Doanh thu thuần	354.088.953.589	380.603.744.034	7,49%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.831.290.800	2.457.411.722	(35,86%)
4	Lợi nhuận khác	172.835.858	(449.703.033)	(260,19%)
5	Lợi nhuận trước thuế	4.004.126.658	2.007.708.689	(49,86%)
6	Lợi nhuận sau thuế	3.172.047.946	1.189.705.579	(62,49%)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%		

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn</i>	1,62	2,02	
	+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn</i>	1,38	1,47	
2	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	+ Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,61	0,49	
	+ Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1,55	0,95	
3	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	18,34	19,03	
	+ Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân</i>	3,50	3,92	
4	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,009	0,003	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở	0,072	0,028	



	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,072	0,028	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,028	0,015	
	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,01	0,006	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 4.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 31/12/2023	Tỷ lệ (%)	số cổ phần	Giá trị (đồng)
Tổng Công ty hóa chất và dịch vụ Dầu khí-CTCP	51%	2.040.000	20.400.000.000
Công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Phú Thịnh	37,71%	1.508.300	15.083.000.000
Các cổ đông khác	11,29%	451.700	451.700.000
<b>Cộng :</b>	<b>100%</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

6.1. Tác động lên môi trường:

Do đặc thù hoạt động của Công ty là kinh doanh và dịch vụ, không có hoạt động sản xuất, vì vậy tại công ty không có lượng phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên liệu:

- Trong năm 2023 Công ty DMC Miền Nam không sử dụng nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói các sản phẩm
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính trong năm: không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng điện tiêu thụ gián tiếp: 62.760 KWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 0

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty Cổ phần cấp nước Bà Rịa-Vũng Tàu; Lượng nước sử dụng: 738 m<sup>3</sup>

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần

Năm 2023, Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam đã thực hiện đầy đủ các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường như: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải; quan trắc môi trường định kỳ; thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt.



Do tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường, năm 2023 Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam không vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường.

- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam không bị xử phạt về vi phạm do không tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

➤ Số lượng CBCNV (thời điểm 31.12.2023): 39 người

TT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Trên ĐH	2	5,13
2	ĐH	13	33,33
3	Cao đẳng	2	5,13
4	Trung cấp	3	7,69
5	CNKT	14	35,89
6	Phổ thông	5	12,82
	<b>Tổng</b>	<b>39</b>	<b>100%</b>

➤ Mức lương bình quân

- Tiền lương bình quân năm 2023: 10.369.334 đồng/người/tháng
- Thu nhập bình quân năm 2023: 13.524.918 đồng/người/ tháng
- Tiền lương và thu nhập bình quân của CBCNV Công ty trong 5 năm gần đây được thể hiện qua bảng sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tiền lương BQ (đ/ng/th)	9.495.715	11.871.938	12.027.922	11.716.820	10.369.334
Thu nhập BQ (đ/ng/th)	11.371.871	13.824.850	14.186.693	14.388.452	13.524.918

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Công ty thực hiện đầy đủ chính sách đối với Người lao động theo quy định của Nhà nước và Công ty:

*Chính sách khuyến khích vật chất:*

- Trợ cấp khó khăn cho những CBCNV gặp khó khăn trong cuộc sống hoặc mắc bệnh hiểm nghèo.
- Chi tiền may trang phục quần áo, chi tiền quà ngày Lễ, Tết ... cho CBCNV.

*Chính sách khuyến khích về tinh thần:*

- Tạo điều kiện cho CBCNV được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;



- CBCNV được tham gia trong các phong trào sinh hoạt quần chúng như thể thao của ngành, chương trình uống nước nhớ nguồn và các hoạt động khác do Công đoàn và Đoàn thanh niên phát động...

- Chính sách an sinh Xã hội: Công ty thực hiện đầy đủ các quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định; 100% người lao động trong Công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN; Luôn quan tâm và dành một khoản kinh phí để thăm hỏi, hỗ trợ, động viên kịp thời những CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị ốm đau, mắc bệnh hiểm nghèo, có việc hiếu, hi; ủng hộ đồng bào gặp thiên tai....

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 500 giờ, trong đó: Công nhân viên: 400 giờ; Lãnh đạo: 100 giờ. Năm 2023, DMC Miền Nam đã thực hiện 53 lượt đào tạo cho CBCNV Công ty, với kinh phí là 43 triệu đồng.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Hàng năm Công ty có lập kế hoạch đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ CBCNV Công ty để đảm bảo phục vụ tốt hơn công việc và đáp ứng được nhu cầu nhân sự cho hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty, cụ thể: Lớp huấn luyện kỹ thuật an toàn sử dụng hóa chất, lớp Huấn luyện ATVSLĐ theo NĐ số 44.2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, lớp huấn luyện và thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ,...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Công tác An sinh xã hội hướng tới cộng đồng luôn là một trong những hoạt động được Công ty DMC Miền Nam quan tâm và thực hiện thông qua hoạt động của các tổ chức đoàn thể như tham gia vào các chương trình thiện nguyện của địa phương, ủng hộ đồng bào vùng bão lũ, đóng góp xây nhà tình nghĩa cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Hà Giang...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty)**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2023, tiếp tục là một năm Công ty DMC - Miền Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do sự biến động của thị trường, nhu cầu tiêu thụ giảm; giá sản phẩm, các chi phí đầu vào tăng cao, sản phẩm kinh doanh đa dạng nhưng nguồn hàng phụ thuộc lớn vào nhà cung cấp, thiếu yếu tố cạnh tranh; nhu cầu về nguồn hàng làm dịch vụ logistic và cho thuê kho bãi thấp làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Công ty. Tuy nhiên, cùng với sự cố gắng nỗ lực, đoàn kết tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV lao động trong Công ty DMC Miền Nam đã cố gắng duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Mặc dù, lợi nhuận của công ty chưa cao nhưng luôn có lãi để đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động (13,5 triệu đồng/người/tháng) và quyền lợi cho các cổ đông của Công ty.



## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản:

Tại thời điểm ngày 31.12.2023 quy mô tổng tài sản của Công ty đạt 81,99 tỷ đồng giảm 27,04% so với cùng kỳ năm 2022 (81,99/112,38 tỷ). Nguyên nhân chủ yếu là do các chỉ tiêu như nợ phải thu ngắn hạn giảm 56,60% so với đầu năm; tài sản ngắn hạn khác giảm 30,64% so với đầu năm, đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 30% so với cuối năm 2022.

### b) Tình hình nợ phải trả

- Tại thời điểm 31.12.2023 số dư nợ phải trả là 39,89 tỷ đồng giảm 41,54% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó nợ phải trả người bán là 18,81 tỷ đồng.

- Tổng nợ phải trả người bán trong hạn là 12,13 tỷ đồng, nợ quá hạn dưới 6 tháng là 6,29 tỷ đồng, nợ quá hạn trên 6 tháng là 397,59 triệu đồng.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### ➤ Cơ cấu tổ chức nhân sự:

- Năm 2023, tình hình kinh doanh dịch vụ và bố trí việc làm cho người lao động của Công ty đã từng bước đi vào ổn định. Công ty thường xuyên rà soát, sắp xếp và bố trí nhân sự phù hợp với từng vị trí công việc để nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.

- Về cơ bản đội ngũ lãnh đạo của Công ty hiện nay đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Tổng Công ty PVChem cũng như đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

➤ Chính sách, quản lý : được Công ty DMC Miền Nam cải tiến thông qua việc sửa đổi Hệ thống văn bản quản lý nội bộ. Công ty đang tiếp tục rà soát và bổ sung các Văn bản quản lý nội bộ phù hợp với yêu cầu thực tế và theo quy định của Pháp luật.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

### Giai đoạn 2021 – 2025:

#### ➤ Đối với lĩnh vực kinh doanh:

- *Thị trường trong ngành Dầu khí:* Trong giai đoạn 2021-2025, Công ty DMC Miền Nam sẽ tiếp tục phối hợp với các nhà thầu dịch vụ quốc tế để chào hàng và xuất khẩu các sản phẩm thế mạnh của Công ty ra khu vực Đông Nam Á. Năng lực sản xuất và cung cấp các sản phẩm/dịch vụ luôn lớn hơn nhu cầu của thị trường trong nước nên cần thiết phải phát triển thêm thị trường mới, khách hàng mới.

- *Thị trường ngoài ngành Dầu khí:* Tiếp tục ưu tiên tìm kiếm và phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới và thị trường mới cho trong và ngoài ngành dầu khí, phần đầu chiếm tỷ trọng doanh thu trên 50%.

- *Đánh giá đối thủ cạnh tranh, thị phần của doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025:* Các đối thủ cạnh tranh các sản phẩm/dịch vụ rất nhiều bao gồm các công ty trong và ngoài ngành Dầu khí, các công ty nước ngoài có năng lực và nhiều kinh nghiệm nên dự báo hoạt động kinh doanh sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Thị phần của doanh nghiệp đối với sản phẩm Xi măng G hiện cung cấp 100% cho ngành Dầu khí, các hàng hóa khác hiện cung cấp khoảng 40-50% nhu cầu toàn ngành.

#### ➤ Đối với lĩnh vực dịch vụ:

- Phát triển và mở rộng hoạt động dịch vụ Logistics tại khu vực các tỉnh phía Nam trong đó ưu tiên cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trực thuộc Tổng công ty PVChem và các đơn vị trong ngành Dầu khí đóng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các tỉnh phía Nam.

- Đào tạo nâng cao trình độ cho kỹ sư, công nhân để có thể tham gia hỗ trợ kỹ thuật, nhân công ngoài giàn khoan cho các nhà thầu Dầu khí các dịch vụ như dung dịch khoan, dịch vụ trám xi măng, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu,...vv



**Giai đoạn 2026 – 2035:** Khẳng định vị thế trên thị trường trong nước và quốc tế

- Là công ty có uy tín trong lĩnh vực cung cấp hóa phẩm Dầu khí trên thị trường trong nước và quốc tế.
- Duy trì tốc độ tăng trưởng từ 8-10% đối với các sản phẩm truyền thống của Công ty.
- Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, trọn gói cho các Công ty trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các tỉnh phía Nam.
- Mở rộng lĩnh vực hoạt động/ cung cấp sản phẩm, dịch vụ trọn gói phục vụ ngành Dầu khí.
- Duy trì tăng trưởng lợi nhuận và chia cổ tức hàng năm đạt trên từ 10-15%.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):** Không có

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

- Công ty nhận thức được về trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường đối với cộng đồng, xã hội và đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo đúng quy định của pháp luật.

- *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).* Về các chỉ tiêu môi trường về tiêu thụ nước, năng lượng và phát thải: về tiêu thụ nước chủ yếu là nước sinh hoạt đều nằm trong quy định sử dụng. Về tiêu thụ năng lượng chủ yếu là năng lượng điện, qua kết quả của quan trắc môi trường các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV
- Trang bị đầy đủ các phương tiện BHLĐ cho người lao động
- Trang bị đầy đủ thuốc men, dụng cụ y tế và tổ chức khóa học Sơ cấp cứu tại chỗ
- Thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm đánh giá kiểm soát điều kiện lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại cho người lao động.
- Liên tục thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng An toàn – Môi trường – Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – ISO 14001 – ISO 45001.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường đồng thời phối hợp với cộng đồng địa phương gìn giữ bảo vệ môi trường.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

**1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

Hội đồng quản trị Công ty DMC Miền Nam năm 2023 gồm 05 thành viên, trong đó 1 Chủ tịch chuyên trách, 1 Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty, 03 Thành viên HĐQT kiêm nhiệm. HĐQT thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 24 phiên họp thường kỳ, đột xuất và phiếu lấy ý kiến, qua đó đã ban hành 13 Nghị quyết và 11 Quyết định để kịp thời có những định hướng đúng đắn liên quan đến mọi mặt hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền của



HĐQT liên quan đến hoạt động SXKD, đầu tư, tài chính, nhân sự,...vv. Trình tự, thủ tục và nội dung các cuộc họp đều được tổ chức theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

*Một số kết quả đạt được, cụ thể như sau:*

- Công tác quản lý, điều hành của HĐQT:
  - Chỉ đạo Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực để thực hiện kế hoạch kinh doanh dịch vụ năm 2023 của Công ty;
  - HĐQT có chỉ đạo kịp thời tới Ban Giám đốc Công ty thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động và triển khai các chỉ tiêu SXKD năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
  - Giám sát/chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT Tổng công ty PVChem, Nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT Công ty cổ phần DMC Miền Nam;
  - Chấp thuận và ủy quyền cho Giám đốc công ty thực hiện các thủ tục vay vốn bảo lãnh thực hiện hợp đồng với khách hàng để Công ty chủ động nguồn vốn phục vụ kinh doanh dịch vụ;
  - Chỉ đạo thực hiện báo cáo giám sát theo quy định của pháp luật và các quy chế, quy định nội bộ;
  - Chủ trì tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty trong tháng 4/2023.
  - Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các thủ tục theo quy định đưa cổ phiếu của Công ty DMC Miền Nam lên sàn Chứng khoán.
  - Chỉ đạo Công ty tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí trong mọi hoạt động kinh doanh dịch vụ.
- Công tác chỉ đạo hoạt động kinh doanh dịch vụ:
  - Trên cơ sở Tờ trình của Giám đốc Công ty và được sự chấp thuận của Tổng công ty PVChem, HĐQT ban hành Nghị quyết chấp thuận kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty.
  - Hội đồng Quản trị có những chỉ đạo cụ thể để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ SXKD. Trong đó, chú trọng đến một số nhiệm vụ cơ bản như: Công tác tổ chức cơ cấu lại các sản phẩm kinh doanh; Nâng cao chất lượng dịch vụ; Công tác tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm truyền thống và một số sản phẩm mới.
- Về công tác tổ chức, nhân sự, lao động, tiền lương
  - Quyết định bổ nhiệm Bà Bùi Thị Hương – Phó phụ trách P.TCKT giữ chức Kế toán trưởng Công ty DMC Miền Nam.
  - Quyết định bổ nhiệm Ông Nguyễn Trung Hải – Phó phụ trách phòng TCHC giữ chức danh Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Công ty.
  - Chấp thuận Quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2022 của Công ty DMC Miền Nam.
  - Thông qua kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty DMC Miền Nam nhiệm kỳ 2023-2028.
  - Chấp thuận bổ nhiệm Ông Ngô Văn Phong giữ chức Phó Giám đốc và giao nhiệm vụ phụ trách Phòng Kinh doanh Công ty DMC Miền Nam.
  - Thực hiện bổ nhiệm lại Ông Bùi Đình Bá tiếp tục giữ chức Phó Giám đốc Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam.



- Quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với bà Đỗ Thị Huyền – Giám đốc Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam.
- Thực hiện bổ nhiệm có thời hạn Ông Nguyễn Trung Hải – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính kiêm giữ chức người phụ trách quản trị Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam.
- Chấp thuận nâng bậc lương chức danh công việc và điều chỉnh mức lương chức danh cho CBCNV Công ty
- Về công tác quản lý tài chính:
  - Phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý tài chính Công ty DMC Miền Nam phù hợp với Pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của Công ty.
  - Về công tác thu xếp vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty: Chỉ đạo Công ty cân đối vay vốn của tổ chức tín dụng phục vụ hoạt động kinh doanh khi cần thiết và đàm phán, làm việc với Ngân hàng để giảm lãi vay hỗ trợ doanh nghiệp theo chủ trương của Chính phủ.
  - Chỉ đạo Ban điều hành trong công tác thu hồi công nợ khó đòi đã trích lập dự phòng nhằm giảm bớt khó khăn và đảm bảo lợi nhuận cho công ty.
  - Phê duyệt hạn mức vay vốn lưu động và ủy quyền cho Giám đốc ký giao dịch với các tổ chức tín dụng của Công ty DMC Miền Nam năm 2023.
  - Phê duyệt lựa chọn và ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty DMC Miền Nam.
  - Chấp thuận thay đổi đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty DMC Miền Nam.
  - Chỉ đạo quyết liệt trong việc quản lý tài chính trong hoạt động kinh doanh dịch vụ, nên năm 2023 về cơ bản không để phát sinh thêm nợ xấu, nợ khó đòi.
  - Chỉ đạo Công ty tiết kiệm chi tiêu, chống lãng phí trong mọi hoạt động của Công ty. Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện tiết giảm chi phí được 160tr.đ, đạt 107.6% kế hoạch đề ra.

## 2. **Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

- Ban Giám đốc làm việc và điều hành hoạt động của Công ty theo sự phân công trong Ban giám đốc, thực hiện đúng thẩm quyền, quy định nội bộ, quy định của pháp luật và trên cơ sở các Nghị quyết, Quyết định của cấp trên.
- Hàng tháng, Quý Ban giám đốc tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ và đột xuất để lập kế hoạch, triển khai và báo cáo kết quả thực hiện các công việc được giao, đồng thời giải quyết những vướng mắc và đề xuất của các Phòng chuyên môn khi thực hiện công việc.
- Ban giám Đốc Công ty luôn chủ động đề xuất các chế độ chính sách cho người lao động trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo quyền lợi kịp thời cho CBCNV trong những dịp lễ, tết, nghỉ hưu và chấm dứt hợp đồng lao động.

## 3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.**

### 3.1. Mục tiêu:

- Chỉ đạo Ban điều hành triển khai các giải pháp phát triển thị trường, tăng thị phần cung cấp sản phẩm cho khách hàng truyền thống. Tìm kiếm, mở rộng thêm thị trường mới để tiêu thụ các sản phẩm DMC Miền Nam có khả năng cung cấp.
- Điều hành quản lý Công ty theo mô hình Công ty đại chúng thông qua Điều lệ và tổ chức hoạt động và các Quy chế quản trị.



- Tập trung các nguồn lực, thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông thông qua với mục tiêu phấn đấu tăng trưởng tốt và kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Tổng sản lượng tiêu thụ: 45.500 tấn
- Doanh thu: 360 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 4,0 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 3,2 tỷ đồng
- Nộp ngân sách nhà nước: 1,5 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân: 13,5 tr.đ/người/tháng
- Năng suất lao động bình quân: 533,3 tr.đ/người/tháng
- Đầu tư XDCB: 1 tỷ đồng (Đầu tư xây dựng, sửa chữa kho bãi).
- Dự kiến chia cổ tức: 7%/vốn điều lệ.

### 3.2. Nhiệm vụ trọng tâm trong quản trị, điều hành

- Tiếp tục thực hiện chức năng quản lý của HĐQT; tăng cường phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc; giữa các phòng ban chuyên môn nhằm tạo ra tính tự chủ, năng động và hiệu quả trong mọi hoạt động.
- Chỉ đạo giám sát tổ chức thực hiện các Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra những giải pháp mang tính định hướng nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc gặp phải trong thực tế để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong năm 2024.

### 3.3. Về hoạt động quản trị doanh nghiệp

- Tiếp tục đơn giản hóa hệ thống quy trình nghiệp vụ theo đặc thù của từng bộ phận phù hợp với tình hình thực tế và để quản lý chặt chẽ hơn nữa hoạt động của Công ty.
- Xây dựng Báo cáo tình hình quản trị công ty (6 tháng và năm), Báo cáo thường niên một cách đầy đủ, minh bạch và công bố kịp thời, đúng hạn đến Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX) và thông tin đến các cổ đông theo quy định.

### 3.4. Về quản trị nguồn nhân lực

- Chỉ đạo xây dựng phương án sử dụng lao động; Tái cơ cấu sơ đồ tổ chức phù hợp với thực tế và mục tiêu phát triển của Công ty trong giai đoạn mới theo chủ trương của Tổng công ty PVChem;
- Thực hiện các thủ tục theo quy định và trình ĐHĐCĐ thông qua về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty DMC Miền Nam;
- Tiếp tục cải cách chính sách tiền lương, tiền thưởng phù hợp để khuyến khích người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Tạo cơ chế thúc đẩy vai trò của cán bộ lãnh đạo các cấp để các cán bộ thực sự phát huy vai trò của người đứng đầu trong các bộ phận;
- Rèn luyện tính chuyên nghiệp và kỷ luật đối với tất cả các vị trí công việc.

### 3.5. Về công tác quản lý vốn

- Chỉ đạo quản lý hiệu quả nguồn vốn của Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo và giải quyết công tác thu hồi công nợ, nợ khó đòi.
- Giám sát chặt chẽ việc vay vốn và sử dụng vốn trong đầu tư, mua sắm thiết bị đảm bảo an toàn và đạt hiệu quả.



- Chỉ đạo/ kiểm soát chặt chẽ chi phí; kiểm soát dòng tiền, đảm bảo nguồn vốn sử dụng có hiệu quả trong hoạt động của Công ty

### 3.6. Các hoạt động khác

- Chỉ đạo tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam.
- Tăng cường công tác quản trị, giữ vai trò là cơ quan quản lý cao nhất Công ty.
- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty phù hợp với luật pháp của Nhà nước, Điều lệ tổ chức & hoạt động và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Chỉ đạo tổ chức thực hiện các chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ khác

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Tham gia điều hành	Số lượng CP sở hữu (CP)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
<b>Hội đồng quản trị</b>					
Nguyễn Quốc Túy	Chủ tịch		0	0	Người đại diện phần vốn của CTCP SX&XNK Phú Thịnh tại Công ty DMC Miền Nam
Đỗ Thị Huyền	Ủy viên HĐQT, Giám đốc		19.500	0,48	Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty PVChem tại Công ty DMC Miền Nam
Đình Viết An	Ủy viên		4.900	0,12	
Đặng Trung Hiếu	Ủy viên		0	0	Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty PVChem tại Công ty DMC Miền Nam
Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	Ủy viên		0	0	Người đại diện phần vốn của CTCP SX&XNK Phú Thịnh tại Công ty DMC Miền Nam

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Đánh giá của hoạt động HĐQT, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp HĐQT, nội dung và kết quả của các cuộc họp.



ST T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	05/NQ-HĐQT	9/1/2023	Triển khai phiên họp thường kì Quý 4/2022 của HĐQT	100%
2	10/QĐ-DMCS	13/01/2023	Chấp thuận bổ nhiệm nhân sự Kế toán trưởng Công ty	100%
3	17/QĐ-DMCS	18/01/2023	Chấp thuận Quỹ lương kế hoạch năm 2022 của Công ty DMC MN	100%
4	18/NQ-DMCS	18/01/2023	Tạm chấp thuận kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty DMC Miền Nam	100%
5	27/NQ-HĐQT	27/2/2023	Chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bầu UV HĐQT	100%
6	47/QĐ-DMCS	23/2/2023	Phê duyệt ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty DMC MN	100%
7	48//QĐ-DMCS	24/02/2023	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Trung Hải giữ chức Trưởng phòng Tổ chức hành chính DMCMN	100%
8	74/NQ - DMCS	21/3/2023	Hủy danh sách người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
9	121/QĐ-DMCS	21/4/2023	Chấp thuận Quỹ lương thực hiện năm 2022 của Công ty DMC Miền Nam	100%
10	123/NQ/ĐHĐC Đ/DMCS	21/4/2022	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty	100%
11	134/NQ-HĐQT	25/4/2023	Triển khai phiên họp thường kì Quý I/2023 của HĐQT	100%
12	139/NQ-HĐQT	28/4/2023	Thông qua kết quả bầu chủ tịch HĐQT Công ty	100%
13	151/NQ-DMCS	11/5/2023	Chấp thuận lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty	100%
14	152/NQ-DMCS	11/5/2023	Phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2023 của Công ty	100%
15	173/QĐ-DMCS	8/6/2023	Bổ nhiệm ông Ngô Văn Phong giữ chức PGĐ Công ty	100%
16	174/QĐ-DMCS	8/6/2023	Giao nhiệm vụ cho ông Ngô Văn Phong phụ trách phòng Kinh doanh	100%
17	211/QĐ-DMCS	6/7/2023	Bổ nhiệm lại ông Bùi Đình Bá tiếp tục giữ chức Phó Giám đốc công ty	100%
18	212/QĐ-DMCS	6/7/2023	Kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với Bà Đỗ Thị Huyền - Giám đốc công ty	100%



19	225/NQ-HĐQT	18/7/2023	Triển khai phiên họp thường kì Quý II/2023 của HĐQT	100%
20	243/QĐ-DMCS	2/8/2023	Bổ nhiệm người phụ trách Quản trị công ty DMC Miền Nam	100%
21	283/NQ-HĐQT	19/10/2023	Triển khai phiên họp thường kì Quý III/2023 của HĐQT	100%
22	400/QĐ-DMCS	6/11/2023	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà kho tại 24/8 Lê Thánh Tông	100%
23	439/NQ-DMCS	11/12/2023	Chấp thuận thay đổi đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty DMC Miền Nam	100%
24	443/NQ-HĐQT	12/12/2023	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty DMC Miền Nam	100%

d) Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp): Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

1. Bà Đỗ Thị Huyền - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
2. Ông Đinh Viết An - Ủy viên HĐQT

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm 2023: Không có

## 2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu CP (%)
1	Dương Thế Nhân	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
2	Nguyễn Thị Thu Thuận	Thành viên	1.500	0,037
3	Nguyễn Y Linh	Thành viên	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

❖ Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã triển khai, Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, điều lệ Công ty. Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành; Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và việc thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty. Giám sát trong



việc quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản, nhân lực của Công ty, nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả, chống lãng phí, tuân thủ đúng quy định, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước.

- Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên theo từng lĩnh vực. Cùng với các Phòng chuyên môn thực hiện việc kiểm tra các công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh, dịch vụ giám sát các khoản chi phí, đối chiếu, thu hồi công nợ của Công ty và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn minh bạch theo chuẩn mực kết toán trong các báo cáo.

❖ Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm 2023 Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc họp, cụ thể:

- Lần 1: Tổ chức họp ngày 22/04/2023
- Lần 2: Tổ chức họp ngày 15/11/2023

❖ Nội dung và kết quả các cuộc họp:

- Tại các cuộc họp Ban kiểm soát đã thực hiện các công tác giám sát, đánh giá các hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và ban Giám đốc Công ty. Bám sát các nội dung nghị quyết tại các phiên họp của HĐQT để giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động Công ty.
- Ngoài ra, HĐQT mời BKS tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT mở rộng, các cuộc họp giao ban. Sau các cuộc họp, các tài liệu như biên bản họp HĐQT, Nghị quyết, báo cáo đều được gửi cho BKS.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

STT	Họ tên	Chức danh	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Các khoản lợi ích khác	Tổng cộng	Ghi chú
1	Nguyễn Quốc Túy	Chủ tịch HĐQT	279.676.800	31.306.400		29.340.000	340.323.200	
2	Đỗ Thị Huyền	UV HĐQT kiêm Giám Đốc	279.676.800	31.306.400		37.530.000	348.513.200	
3	Dương Thế Nhân	Trưởng BKS	170.726.424	22.227.200	36.000.000	29.570.000	258.523.624	
4	Đặng Trung Hiếu	UV HĐQT			36.000.000		36.000.000	
5	Đình Viết An	UV HĐQT			36.000.000		36.000.000	
6	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	UV HĐQT			36.000.000		36.000.000	
7	Nguyễn Y Linh	TV BKS			24.000.000		24.000.000	
8	Nguyễn Thị Thu Thuận	TV BKS	85.417.746	15.113.600	24.000.000	29.565.000	154.096.346	
<b>Tổng cộng</b>			<b>815.497.770</b>	<b>99.953.600</b>	<b>192.000.000</b>	<b>126.005.000</b>	<b>1.233.456.370</b>	

b) Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ: Không có



- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với Người nội bộ: Thông tin về hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và các cán bộ quản lý và những người có liên quan đến đối tượng nói trên: **Không có**
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023 (đính kèm) 38 trang, bao gồm:

- Báo cáo của Ban Giám đốc
- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2023
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2023

### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT DMC MN;
- BGĐ;
- Website, CBTT;
- Lưu VT, TCHC.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO  
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Thị Huyền**



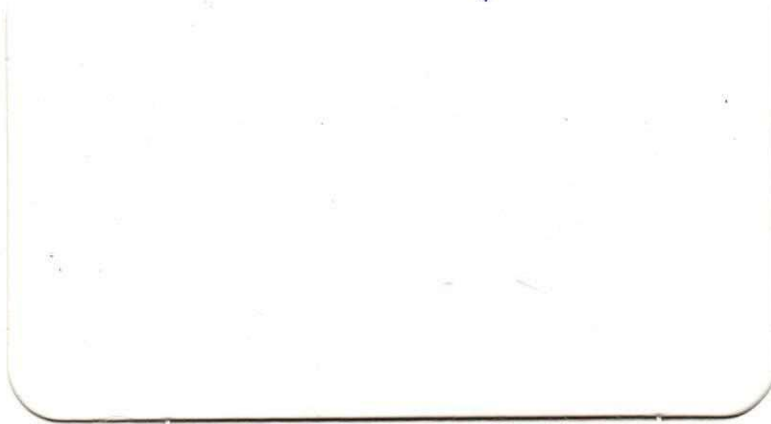


Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers





**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ  
DMC - MIỀN NAM**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023**





**MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 38



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí - DMC Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty TNHH Một thành viên DMC - Vũng Tàu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4904000256 ngày 20 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần vào ngày 10 tháng 05 năm 2011 có tên gọi là Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí - DMC Miền Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500850392 ngày 10 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và đăng ký thay đổi lần 13 ngày 31 tháng 03 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là 40.000.000.000 VND tương đương với 4.000.000 cổ phiếu; tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2023 là 40.000.000.000 VND tương đương với 4.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 15 tháng 06 năm 2023, theo thông tin chi tiết như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DMS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 4.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 40.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Theo đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, xi măng giếng khoan và các chất dùng cho khoan thăm dò, khai thác dầu khí, công nghiệp giấy, công nghiệp luyện cán thép;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác Bentonite, cát công nghiệp, dolomite, cao lanh,...;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Khai thác muối;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất barite, canxi carbonate, photphorit (nguyên khai, bột);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phân phối và kinh doanh đồ điện gia dụng; Đại lý bảo hiểm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, điện máy, điện tử;



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán dầu khò, nhựa đường; Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm từ khí đốt, nhiên liệu sinh học; Bán buôn than đá; Bán buôn xăng dầu và sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán phôi sắt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh xi măng, gạch, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, và các vật liệu lắp đặt trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Mua bán thiết bị, nguyên vật liệu, vật tư cho sản xuất dung dịch khoan, khai thác chế biến dầu khí, công nghiệp giấy; Kinh doanh bao bì; Kinh doanh phân bón; Mua bán chất dẻo nguyên sinh, hạt nhựa Polypropylen và các sản phẩm liên quan; Mua bán cao su, tơ, xơ, sợi dệt, bao bì; Mua bán Ethanol, cồn khan, cồn công nghiệp;
- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Nhà nghỉ có kinh doanh du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là mua bán hóa chất, mua bán thiết bị, nguyên vật liệu, vật tư cho sản xuất dung dịch khoan, khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp giấy và cho thuê kho, địa điểm làm việc.

### **2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Nguyễn Quốc Túy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Đỗ Thị Huyền	Ủy viên
Ông Đặng Trung Hiếu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	Ủy viên
Ông Đinh Viết An	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Đỗ Thị Huyền	Giám đốc
Ông Bùi Đình Bá	Phó Giám đốc
Ông Ngô Văn Phong	Phó Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2023

#### **Ban Kiểm soát:**

<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Dương Thế Nhân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Y Linh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Thuận	Thành viên

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Họ tên</b>	<b>Quốc tịch</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Đỗ Thị Huyền	Việt Nam	Giám đốc



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **7. Công bố Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**ĐỖ THỊ HUYỀN**  
Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 04 tháng 03 năm 2024





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: 430/2024/BCKT-HCM.01437

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 03 năm 2024, từ trang 6 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc mục 5.13 của Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm 2018, Công ty đã ghi nhận trích trước chi phí làm thủ tục xin kế thừa đất tại 24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá trị 200.000.000 VND. Đến năm 2023, Công ty đã ghi nhận giảm khoản chi phí dịch vụ này do hợp đồng dịch vụ ký kết đã hết hiệu lực.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 23 tháng 02 năm 2023.



**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2023-009-1.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2024

**TRẦN THỊ LAN**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4157-2022-009-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>80.574.522.642</b>	<b>110.792.273.831</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>11.174.379.580</b>	<b>2.606.871.590</b>
1. Tiền	111		11.174.379.580	2.606.871.590
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.300.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	20.300.000.000	29.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.922.636.113</b>	<b>62.027.484.891</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	30.229.191.011	65.954.722.993
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	242.120.010	458.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.534.875.906	1.148.312.712
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(5.083.550.814)	(5.533.550.814)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>21.930.169.500</b>	<b>16.752.882.109</b>
1. Hàng tồn kho	141		21.930.169.500	16.752.882.109
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>247.337.449</b>	<b>405.035.241</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	29.169.167	36.330.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		197.640.898	368.705.241
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	20.527.384	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.422.912.172</b>	<b>1.587.925.650</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>975.007.892</b>	<b>1.259.080.735</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	975.007.892	1.259.080.735
- Nguyên giá	222		13.597.131.613	14.390.332.513
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.622.123.721)	(13.131.251.778)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		115.500.000	115.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(115.500.000)	(115.500.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>447.904.280</b>	<b>328.844.915</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	447.904.280	328.844.915
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>81.997.434.814</b>	<b>112.380.199.481</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>39.899.079.703</b>	<b>68.251.954.612</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.899.079.703</b>	<b>68.251.954.612</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	18.813.418.707	67.542.899.972
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		384.800	634.800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	14.714.140	297.617.919
4. Phải trả người lao động	314		2.935.278	42.060.496
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	110.782.073	270.885.500
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	53.453.161	68.950.748
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	20.894.591.030	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	8.800.514	28.905.177
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>42.098.355.111</b>	<b>44.128.244.869</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>42.098.355.111</b>	<b>44.128.244.869</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		908.649.532	908.649.532
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.189.705.579	3.219.595.337
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		-	47.547.391
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.189.705.579	3.172.047.946
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>81.997.434.814</b>	<b>112.380.199.481</b>

*Trần Thúy Khanh*

**TRẦN THÚY KHANH**  
Người lập biểu

*Bùi Thị Hương*

**BÙI THỊ HƯƠNG**  
Kế toán trưởng



**ĐỖ THỊ HUYỀN**  
Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 04 tháng 03 năm 2024



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>380.603.744.034</b>	<b>354.088.953.589</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	6.1	<b>380.603.744.034</b>	<b>354.088.953.589</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	11	6.2	<b>368.124.576.686</b>	<b>339.056.689.278</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>12.479.167.348</b>	<b>15.032.264.311</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.611.757.596	1.123.856.646
7. Chi phí tài chính	22	6.4	243.972.329	244.732.467
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		243.972.329	244.732.467
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	4.992.432.749	5.393.186.827
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6.397.108.144	6.686.910.863
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>2.457.411.722</b>	<b>3.831.290.800</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	203.749.540	389.189.026
12. Chi phí khác	32	6.8	653.452.573	216.353.168
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>(449.703.033)</b>	<b>172.835.858</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>2.007.708.689</b>	<b>4.004.126.658</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	818.003.110	832.078.712
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>1.189.705.579</b>	<b>3.172.047.946</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	297,43	688,11

**TRẦN THÚY KHANH**  
Người lập biểu

**BÙI THỊ HƯƠNG**  
Kế toán trưởng



**ĐỖ THỊ HUYỀN**  
Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 04 tháng 03 năm 2024



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>2.007.708.689</b>	<b>4.004.126.658</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		254.646.887	307.007.272
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	5.6	(450.000.000)	(150.000.000)
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.3	(1.664.604.367)	(1.155.482.471)
- Chi phí lãi vay	06	6.4	243.972.329	244.732.467
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>391.723.538</b>	<b>3.250.383.926</b>
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		35.764.370.944	(21.308.617.607)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(5.177.287.391)	3.478.617.370
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(48.963.387.595)	51.024.685.871
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(111.898.532)	15.231.918
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(234.075.756)	(231.954.385)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.12	(1.091.873.364)	(821.703.036)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(439.700.000)	(509.711.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(19.862.128.156)</b>	<b>34.896.932.857</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		82.272.727	238.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.300.013.699)	(24.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.000.013.699	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.552.772.389	1.123.856.646
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>10.335.045.116</b>	<b>(2.637.234.263)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	40.923.763.231	6.400.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(20.029.172.201)	(32.900.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.800.000.000)	(4.800.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>18.094.591.030</b>	<b>(31.300.000.000)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>8.567.507.990</b>	<b>959.698.594</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	5.1	<b>2.606.871.590</b>	<b>1.647.172.996</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	5.1	<b>11.174.379.580</b>	<b>2.606.871.590</b>

*Thanh*

*BM*



*Đ. Thị Huyền*

**TRẦN THÚY KHANH**  
Người lập biểu

**BÙI THỊ HƯƠNG**  
Kế toán trưởng

**ĐỖ THỊ HUYỀN**  
Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 04 tháng 03 năm 2024



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty TNHH Một thành viên DMC - Vũng Tàu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4904000256 ngày 20 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần vào ngày 10 tháng 05 năm 2011 có tên gọi là Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí - DMC Miền Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500850392 ngày 10 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và đăng ký thay đổi lần 13 ngày 31 tháng 03 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là 40.000.000.000 VND tương đương với 4.000.000 cổ phiếu; tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2023 là 40.000.000.000 VND tương đương với 4.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 15 tháng 06 năm 2023, theo thông tin chi tiết như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DMS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 4.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 40.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, xi măng giếng khoan và các chất dùng cho khoan thăm dò, khai thác dầu khí, công nghiệp giấy, công nghiệp luyện cán thép;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác Bentonite, cát công nghiệp, dolomite, cao lanh,...;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Khai thác muối;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất barite, canxi carbonate, photphorit (nguyên khai, bột);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phân phối và kinh doanh đồ điện gia dụng; Đại lý bảo hiểm;



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, điện máy, điện tử;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán dầu khồn, nhựa đường; Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm từ khí đốt, nhiên liệu sinh học; Bán buôn than đá; Bán buôn xăng dầu và sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán phôi sắt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh xi măng, gạch, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, và các vật liệu lắp đặt trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Mua bán thiết bị, nguyên vật liệu, vật tư cho sản xuất dung dịch khoan, khai thác chế biến dầu khí, công nghiệp giấy; Kinh doanh bao bì; Kinh doanh phân bón; Mua bán chất dẻo nguyên sinh, hạt nhựa Polypropylen và các sản phẩm liên quan; Mua bán cao su, tơ, xơ, sợi dệt, bao bì; Mua bán Ethanol, cồn khan, cồn công nghiệp;
- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Nhà nghỉ có kinh doanh du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là mua bán hóa chất, mua bán thiết bị, nguyên vật liệu, vật tư cho sản xuất dung dịch khoan, khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp giấy và cho thuê kho, địa điểm làm việc.

### 1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

### 1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 39 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 41 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng công bố vào ngày này; các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá bán ra của ngân hàng công bố vào ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### **Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### **Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác sẽ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ khi phát sinh.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là bộ phận gắn với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm.

### 4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### **4.11 Tiền lương**

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

### **4.12 Các khoản trích theo lương**

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

### **4.13 Vốn góp chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Các quỹ***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **4.14 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **4.15 Doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.16 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### **4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### **4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

### 4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.20 Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	Bên liên quan của Công ty mẹ
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP	Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí	Việt Nam	Chi nhánh Công ty mẹ
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	Việt Nam	Chi nhánh Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty DMC - Công ty Dung dịch Khoan và Dịch vụ Giếng khoan	Việt Nam	Chi nhánh Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Việt Nam – Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Việt Nam	Chi nhánh Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP-Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	Việt Nam	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát PVE	Việt Nam	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí M-I Việt Nam	Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công Ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	Việt Nam	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH PVChem - Tech	Việt Nam	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình Ngầm PTSC	Việt Nam	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước - Mỏ Sông Đốc	Việt Nam	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	Việt Nam	Cùng tập đoàn dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Dung dịch Khoan và Dịch vụ Dầu khí Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Việt Nam	Cùng Công ty mẹ Thành viên chủ chốt

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt - VND	1.427.778.612	419.752.116
Tiền gửi ngân hàng - VND	9.746.600.968	2.187.119.474
	<b>11.174.379.580</b>	<b>2.606.871.590</b>

#### 5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	20.300.000.000	20.300.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
	<b>20.300.000.000</b>	<b>20.300.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>29.000.000.000</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

(\*) Chi tiết khoản tiền gửi có kỳ hạn:

Đối tượng	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Số tiền
<b>Ngắn hạn</b>			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	06 tháng	4,20 – 4,70	2.300.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu	06 tháng	3,40 – 3,80	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	06 tháng	5,30 – 7,10	11.000.000.000
			<b>20.300.000.000</b>

Tiền gửi có kỳ hạn được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng với giá trị đảm bảo là 7.000.000.000 VND. (Xem thuyết minh số 5.15)

### 5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	8.110.079.716	-	5.337.543.632	-
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	853.182.407	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí M-I Việt Nam	89.712.892	-	1.458.128.749	-
Công ty TNHH PVChem – Tech	82.266.065	-	213.827.534	-
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí	13.868.193	-	-	-
Chi nhánh Tổng Công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí- CTCP-Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	-	-	41.016.778	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>				
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ XNK Hoàng Phát	11.022.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Phúc An	4.839.488.314	(4.839.488.314)	5.089.488.314	(5.089.488.314)
Công ty TNHH Thương mại Vận tải B & L	3.151.065.250	-	-	-
Công ty TNHH Phân bón Hưng Phú	-	-	37.464.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Thắng Lợi	-	-	10.551.630.400	-
Công ty TNHH Tư vấn, Đầu tư và Thương mại Nhật Việt	-	-	3.310.972.500	-
Các khách hàng khác	2.067.528.174	(174.062.500)	2.488.115.086	(174.062.500)
	<b>30.229.191.011</b>	<b>(5.013.550.814)</b>	<b>65.954.722.993</b>	<b>(5.263.550.814)</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước người bán khác</b>				
Công ty TNHH Bất động sản Phương Điền	70.000.000	(70.000.000)	270.000.000	(270.000.000)
Công ty TNHH Minh Khanh	172.120.010	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	-	-	188.000.000	-
	<b>242.120.010</b>	<b>(70.000.000)</b>	<b>458.000.000</b>	<b>(270.000.000)</b>

### 5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	-	-	5.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Thuận – tạm ứng	295.000.000	-	145.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Lãi dự thu	299.974.246	-	240.989.039	-
Tạm ứng nhân viên	927.500.000	-	243.000.000	-
Ký quỹ	1.145.828	-	1.145.828	-
Các khoản phải thu khác	11.255.832	-	513.177.845	-
	<b>1.534.875.906</b>	<b>-</b>	<b>1.148.312.712</b>	<b>-</b>

### 5.6 Nợ xấu

	31/12/2023			01/01/2023		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>						
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Phúc An	> 3 năm	4.839.488.314	-	> 3 năm	5.089.488.314	-
Các khách hàng khác	> 3 năm	174.062.500	-	> 3 năm	174.062.500	-
<i>Trả trước cho người bán</i>						
Công ty TNHH Bất động sản Phương Điền	> 3 năm	70.000.000	-	> 3 năm	270.000.000	-
		<b>5.083.550.814</b>	<b>-</b>		<b>5.533.550.814</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Phải thu ngắn hạn của khách hàng VND	Trả trước cho người bán ngắn hạn VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	(5.263.550.814)	(270.000.000)	(5.533.550.814)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	250.000.000	200.000.000	450.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>(5.013.550.814)</b>	<b>(70.000.000)</b>	<b>(5.083.550.814)</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	42.803.567	-	42.803.567	-
Công cụ, dụng cụ	382.660.780	-	396.620.993	-
Thành phẩm	15.565.331	-	59.618.152	-
Hàng hóa	21.489.139.822	-	16.253.839.397	-
	<b>21.930.169.500</b>	<b>-</b>	<b>16.752.882.109</b>	<b>-</b>

### 5.8 Chi phí trả trước

#### 5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí sửa chữa	20.729.167	-
Chi phí trả trước khác	8.440.000	36.330.000
	<b>29.169.167</b>	<b>36.330.000</b>

#### 5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí sửa chữa	447.904.280	328.844.915
	<b>447.904.280</b>	<b>328.844.915</b>

### 5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2023	7.985.636.233	656.928.817	5.668.902.415	78.865.048	14.390.332.513
Giảm do thanh lý	(67.259.220)	-	(725.941.680)	-	(793.200.900)
Tại ngày 31/12/2023	<b>7.918.377.013</b>	<b>656.928.817</b>	<b>4.942.960.735</b>	<b>78.865.048</b>	<b>13.597.131.613</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2023	7.249.807.175	500.512.455	5.302.067.100	78.865.048	13.131.251.778
Khấu hao trong năm	132.524.168	49.674.831	72.447.888	-	254.646.887
Giảm do thanh lý	(37.833.264)	-	(725.941.680)	-	(763.774.944)
Tại ngày 31/12/2023	<b>7.344.498.079</b>	<b>550.187.286</b>	<b>4.648.573.308</b>	<b>78.865.048</b>	<b>12.622.123.721</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2023	735.829.058	156.416.362	366.835.315	-	1.259.080.735
Tại ngày 31/12/2023	<b>573.878.934</b>	<b>106.741.531</b>	<b>294.387.427</b>	<b>-</b>	<b>975.007.892</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2023	6.614.843.041	155.699.773	5.131.715.098	78.865.048	11.981.122.960
Tại ngày 31/12/2023	<b>6.614.843.041</b>	<b>346.408.053</b>	<b>4.405.773.418</b>	<b>78.865.048</b>	<b>11.445.889.560</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.10 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2023	115.500.000	115.500.000
Mua trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>115.500.000</b>	<b>115.500.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2023	115.500.000	115.500.000
Khấu hao trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>115.500.000</b>	<b>115.500.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
Tại ngày 01/01/2023	115.500.000	115.500.000
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>115.500.000</b>	<b>115.500.000</b>

### 5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Dung dịch Khoan và Dịch vụ Dầu khí	14.907.440.297	14.907.440.297	20.650.878.185	20.650.878.185
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	699.425.000	699.425.000	-	-
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP	22.235.200	22.235.200	-	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>				
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	-	-	37.450.000.000	37.450.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đại Cát Lợi	1.019.374.998	1.019.374.998	3.814.022.270	3.814.022.270
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VBS	751.692.000	751.692.000	397.592.000	397.592.000
Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Đức Thành	687.177.995	687.177.995	-	-
Các nhà cung cấp khác	726.073.217	726.073.217	5.230.407.517	5.230.407.517
	<b>18.813.418.707</b>	<b>18.813.418.707</b>	<b>67.542.899.972</b>	<b>67.542.899.972</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.12 Thuế và các khoản thu/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2023	Số phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	-	1.173.991.148	(1.173.991.148)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	14.897.400	(14.897.400)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	288.584.394	818.003.110	(1.091.873.364)	-	14.714.140
Thuế thu nhập cá nhân	9.033.525	66.198.271	(95.759.180)	(20.527.384)	-
Tiền thuê đất	-	877.834.627	(877.834.627)	-	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
	<b>297.617.919</b>	<b>2.954.924.556</b>	<b>(3.258.355.719)</b>	<b>(20.527.384)</b>	<b>14.714.140</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là không chịu thuế, 5%, 8% và 10%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.007.708.689</b>	<b>4.004.126.658</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	641.509.736	156.266.902
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.649.218.425</b>	<b>4.160.393.560</b>
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>2.649.218.425</b>	<b>4.160.393.560</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>529.843.685</b>	<b>832.078.712</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	288.159.425	-
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>818.003.110</b>	<b>832.078.712</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất thông thường là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	9.896.573	-
Chi phí dịch vụ chuyên môn	100.000.000	70.000.000
Chi phí phải trả khác (*)	885.500	200.885.500
	<b>110.782.073</b>	<b>270.885.500</b>

(\*) Trong năm 2018, Công ty đã ghi nhận trích trước chi phí làm thủ tục xin kế thừa đất tại 24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá trị 200.000.000 VND. Đến năm 2023, Công ty đã ghi nhận giảm khoản chi phí dịch vụ này do hợp đồng dịch vụ ký kết đã hết hiệu lực.

### 5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	51.998.899	67.496.486
Bảo hiểm xã hội	359.317	359.317
Bảo hiểm y tế	1.094.945	1.094.945
	<b>53.453.161</b>	<b>68.950.748</b>

### 5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (*)	20.894.591.030	20.894.591.030	-	-
	<b>20.894.591.030</b>	<b>20.894.591.030</b>	-	-

(\*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu để tài trợ các nhu cầu vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng số 2023/HDHM/DMCMN-VCB ngày 08 tháng 08 năm 2023. Hạn mức cho vay là 32.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay được thể hiện trong từng khế ước cụ thể. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Khoản vay được đảm bảo bởi:

- Tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2023/HDCCTG/DMC MN-VCB ngày 15 tháng 11 năm 2023 có giá trị 1.200.000.000 VND;
- Tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 02/2023/HDCCTG/DMC MN-VCB ngày 16 tháng 11 năm 2023 có giá trị 2.000.000.000 VND;
- Tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 03/2023/HDCCTG/DMC MN-VCB ngày 08 tháng 12 năm 2023 có giá trị 1.800.000.000 VND;
- Tiền gửi có kỳ hạn theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 04/2023/HDCCTG/DMC MN-VCB ngày 18 tháng 12 năm 2023 có giá trị 2.000.000.000 VND;
- Thẻ chấp quyền tài sản phát sinh theo hợp đồng thế chấp số 02/2023/HDTC QUYEN DOI NO/DMC MN-VCB ngày 15 tháng 11 năm 2023 có giá trị 28.791.180.000 VND;
- Thẻ chấp quyền tài sản phát sinh theo hợp đồng thế chấp số 03/2023/HDTC QUYEN DOI NO/DMC MN-VCB ngày 30 tháng 11 năm 2023 có giá trị 4.311.885.000 VND.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2023	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	26.394.591.030	(5.500.000.000)	20.894.591.030
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	14.529.172.201	(14.529.172.201)	-
	-	<b>40.923.763.231</b>	<b>(20.029.172.201)</b>	<b>20.894.591.030</b>

### 5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2023	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	28.905.177	419.595.337	(439.700.000)	8.800.514
	<b>28.905.177</b>	<b>419.595.337</b>	<b>(439.700.000)</b>	<b>8.800.514</b>

### 5.17 Vốn chủ sở hữu

#### 5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2022	40.000.000.000	908.649.532	5.386.163.768	46.294.813.300
Lãi trong năm	-	-	3.172.047.946	3.172.047.946
Chia cổ tức	-	-	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(538.616.377)	(538.616.377)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>908.649.532</b>	<b>3.219.595.337</b>	<b>44.128.244.869</b>
Số dư tại 01/01/2023	40.000.000.000	908.649.532	3.219.595.337	44.128.244.869
Lãi trong năm	-	-	1.189.705.579	1.189.705.579
Chia cổ tức	-	-	(2.800.000.000)	(2.800.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(419.595.337)	(419.595.337)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>908.649.532</b>	<b>1.189.705.579</b>	<b>42.098.355.111</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023			01/01/2023		
	Số cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP	2.040.000	20.400.000.000	51,00	2.040.000	20.400.000.000	51,00
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	1.508.300	15.083.000.000	37,71	1.508.300	15.083.000.000	37,71
Các cổ đông khác	451.700	4.517.000.000	11,29	451.700	4.517.000.000	11,29
	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

### 5.17.3 Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

### 5.17.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận lũy kế đến năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 123/NQ/ĐHĐCĐ/DMCS ngày 21 tháng 04 năm 2023 như sau:

	VND
Chia cổ tức cho các cổ đông	2.800.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	419.595.337

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 6.1.1 Doanh thu thuần

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	371.365.486.784	344.315.320.442
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.238.257.250	9.773.633.147
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>380.603.744.034</b>	<b>354.088.953.589</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	31.016.550.000	38.613.737.500
Công Ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	24.728.493.740	9.257.213.680
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	15.932.966.000	35.120.750.000
Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	-	17.475.000.000
Công ty TNHH Dung dịch Khoan và Dịch vụ Dầu khí	4.319.381.250	11.425.186.232
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	3.094.920.790	371.767.550
Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí M-I Việt Nam	2.467.054.532	4.391.691.926
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí	1.541.766.219	9.506.458.764
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình Ngầm PTSC	453.600.000	1.979.413.750
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước - Mỏ Sông Đốc	10.020.000	43.800.000
Công ty TNHH PVChem - Tech	203.228.318	276.181.229
Chi nhánh Tổng Công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP-Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	63.960.000	746.029.980
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>83.831.940.849</b>	<b>129.207.230.611</b>
<b>6.2 Giá vốn hàng bán</b>		
	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	364.224.933.966	334.502.203.470
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	3.899.642.720	4.554.485.808
	<b>368.124.576.686</b>	<b>339.056.689.278</b>
<b>6.3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.611.757.596	1.123.856.646
	<b>1.611.757.596</b>	<b>1.123.856.646</b>
<b>6.4 Chi phí tài chính</b>		
	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
Chi phí lãi vay	243.972.329	244.732.467
	<b>243.972.329</b>	<b>244.732.467</b>
<b>6.5 Chi phí bán hàng</b>		
	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	1.058.996.329	619.500.609
Chi phí nguyên, vật liệu, bao bì	271.436.189	255.793.306
Chi phí dịch vụ	561.841.395	1.522.790.894
Chi phí bán hàng khác	3.100.158.836	2.995.102.018
	<b>4.992.432.749</b>	<b>5.393.186.827</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.157.779.229	3.226.835.590
Chi phí đồ dùng văn phòng	291.152.637	311.605.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.949.432	27.174.766
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(450.000.000)	(150.000.000)
Chi phí dịch vụ	599.769.721	517.037.216
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.771.457.125	2.751.267.691
	<b>6.397.108.144</b>	<b>6.686.910.863</b>

### 6.7 Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	52.846.771	31.625.825
Thu lãi trả chậm của khách hàng	150.902.769	150.279.935
	<b>203.749.540</b>	<b>181.905.760</b>

### 6.8 Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	353.452.573	-
Chi tài trợ xây nhà tình nghĩa	300.000.000	-
Chi phí khác	-	9.069.902
	<b>653.452.573</b>	<b>9.069.902</b>

### 6.9 Lãi/ Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.189.705.579	3.172.047.946
Các khoản điều chỉnh giảm để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(419.595.337)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.189.705.579	2.752.452.609
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.000.000	4.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>297,43</b>	<b>688,11</b>

Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 419.595.337 VND, vì vậy lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 cũng giảm đi một khoản tương ứng. Việc điều chỉnh hồi tố này làm lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 793,01 VND/cổ phiếu xuống còn 688,11 VND/cổ phiếu. Công ty không ước tính việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2023 nên lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 chưa tính đến ảnh hưởng (nếu có) của việc này.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao bì	744.309.532	567.398.906
Chi phí nhân công	6.596.303.144	3.982.558.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định	254.646.887	307.007.272
Chi phí, (hoàn nhập) dự phòng	(450.000.000)	(150.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.467.068.351	2.039.828.110
Chi phí khác	6.793.255.022	5.749.359.709
	<b>16.405.582.936</b>	<b>12.496.152.196</b>

### 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	40.923.763.231	6.400.000.000
	<b>40.923.763.231</b>	<b>6.400.000.000</b>

#### 7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	20.029.172.201	32.900.000.000
	<b>20.029.172.201</b>	<b>32.900.000.000</b>

### 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

##### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.*

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

### **ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

### **iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	VND Tổng cộng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>			
Phải trả người bán	18.813.418.707	-	18.813.418.707
Chi phí phải trả	110.782.073	-	110.782.073
Phải trả khác	1.454.262	-	1.454.262
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	20.894.591.030	-	20.894.591.030
	<b>39.820.246.072</b>	-	<b>39.820.246.072</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</b>			
Phải trả người bán	67.542.899.972	-	67.542.899.972
Chi phí phải trả	270.885.500	-	270.885.500
Phải trả khác	1.454.262	-	1.454.262
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
	<b>67.815.239.734</b>	-	<b>67.815.239.734</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

### Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng sau đây thể hiện tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.300.000.000	29.000.000.000	20.300.000.000	29.000.000.000
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	30.229.191.011	65.954.722.993	25.215.640.197	60.691.172.179
Phải thu khác	312.375.906	760.312.712	312.375.906	760.312.712
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.174.379.580	2.606.871.590	11.174.379.580	2.606.871.590
	<b>62.015.946.497</b>	<b>62.015.946.497</b>	<b>57.002.395.683</b>	<b>93.058.356.481</b>

### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Phải trả người bán	18.813.418.707	67.542.899.972	18.813.418.707	67.542.899.972
Chi phí phải trả	110.782.073	270.885.500	110.782.073	270.885.500
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	20.894.591.030	-	20.894.591.030	-
	<b>39.818.791.810</b>	<b>67.815.239.734</b>	<b>39.818.791.810</b>	<b>67.815.239.734</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

### Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

## 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nguyễn Quốc Túy	310.983.200	448.187.218
Đình Viết An	36.000.000	-
Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	36.000.000	-
Đặng Trung Hiếu	36.000.000	-
Đỗ Thị Huyền	310.983.200	454.226.218
Bùi Đình Bá	282.388.400	405.318.018
Ngô Văn Phong	221.020.836	-
Dương Thế Nhân	228.953.624	270.819.646
Nguyễn Thị Thu Thuận	124.531.346	170.493.726
Nguyễn Ý Linh	24.000.000	-
	<b>1.610.860.606</b>	<b>1.749.044.826</b>

#### 9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP	Mua dịch vụ	24.759.273	-
	Cổ tức được chia	1.428.000.000	2.448.000.000
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.541.766.219	9.506.458.764
	Mua hàng hóa	10.200.000	2.334.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Việt Nam – Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Mua dịch vụ	264.535.000	-



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh</b>	Bán hàng hóa	-	17.475.000.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	6.777.141.100	40.602.230.000
	Lợi nhuận được chia	1.055.810.000	1.809.960.000
<b>Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam</b>	Bán hàng hóa	3.094.920.790	371.767.550
<b>Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí M-I Việt Nam</b>	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	2.467.054.532	4.391.691.926
	Mua hàng hóa	1.750.000	
<b>Công ty TNHH Liên Doanh Kỹ Thuật Giếng Khoan PV Drilling Và Baker Hughes</b>	Bán hàng hóa	24.728.493.740	9.257.213.680
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình Ngầm PTSC</b>	Bán hàng hóa	453.600.000	1.979.413.750
<b>Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước - Mỏ Sông Đốc</b>	Bán hàng hóa	10.020.000	43.800.000
<b>Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro</b>	Bán hàng hóa	31.016.550.000	38.613.737.500
	Mua dịch vụ	47.200.000	-
<b>Công ty TNHH Dung dịch Khoan và Dịch vụ Dầu khí</b>	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	4.319.381.250	11.425.186.232
	Mua hàng hóa	39.043.670.685	41.398.984.900
<b>Công ty TNHH PVChem - Tech</b>	Cung cấp dịch vụ	203.228.318	276.181.229
<b>Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</b>	Mua dịch vụ	166.420.747	-
<b>Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp</b>	Bán hàng hóa	15.932.966.000	35.120.750.000
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP-Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật</b>	Cung cấp dịch vụ	63.960.000	746.029.980



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	8.110.079.716	5.337.543.632
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	853.182.407	-
Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí M-I Việt Nam	89.712.892	1.458.128.749
Công ty TNHH PVChem – Tech	82.266.065	213.827.534
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí	13.868.193	-
Chi nhánh Tổng Công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP-Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	-	41.016.778
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty TNHH Dung dịch Khoan và Dịch vụ Dầu khí	14.907.440.297	20.650.878.185
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Phú Thịnh	699.425.000	-
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP	22.235.200	-
<b>Phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	-	5.000.000

### 9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh kinh như sau:

	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	371.365.486.784	9.238.257.250	380.603.744.034
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	(364.224.933.966)	(3.899.642.720)	(368.124.576.686)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.140.552.818	5.338.614.530	12.279.167.348
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(11.389.540.893)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			<b>1.089.626.455</b>
Doanh thu tài chính			1.611.757.596
Chi phí tài chính			(243.972.329)
Thu nhập khác			203.749.540
Chi phí khác			(653.452.573)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(818.003.110)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>1.189.705.579</b>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước	-	(380.487.261)	(380.487.261)



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	344.315.320.442	9.773.633.147	354.088.953.589
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	(334.502.203.470)	(4.554.485.808)	(339.056.689.278)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	9.813.116.972	5.219.147.339	15.032.264.311
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(12.080.097.690)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			<b>2.952.166.621</b>
Doanh thu tài chính			1.123.856.646
Chi phí tài chính			(244.732.467)
Thu nhập khác			389.189.026
Chi phí khác			(216.353.168)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(832.078.712)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>3.172.047.946</b>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước	-	(491.864.190)	(491.864.190)

### 9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2023) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRẦN THÚY KHANH  
Người lập biểu

BÙI THỊ HƯƠNG  
Kế toán trưởng



ĐỖ THỊ HUYỀN  
Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 04 tháng 03 năm 2024